TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-06-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Bà Vũ Thị Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

Ngày 08 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2018 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 13, thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; chỗ ở: Khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Hải N, sinh năm 1968; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 13, thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; chỗ ở: Khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: bà T và ông Phạm Hải N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N. Trong nhiều năm gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông N thường uống rượu say xỉn, không quan tâm chăm sóc gia đình; đã nhiều lần ông N có hành vi đánh đập vợ. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng kể từ tháng 11/2017 hai người đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu được ly hôn

với ông N.

Về con chung: Bà T và ông N có 02 chung là: Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 2001 và Phạm Thành Danh Đ, sinh năm 2008. Nếu ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi 2 con, không yêu cầu ông N góp cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và hòa giải bị đơn ông Phạm Hải N trình bày: Về điều kiện và thời gian chung sống; thời gian kết hôn của vợ chồng ông N thống nhất với trình bày của bà T.

Nguyên nhân mâu thuẫn để bà T làm đơn xin ly hôn: Năm 2013 bà T nghi ngờ ông N có quan hệ với người phụ nữ khác, vì vậy vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, rồi xúc phạm danh dự của nhau. Trước đây bà T đã có 1 lần gửi đơn xin ly hôn với ông N tại Tòa án, nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện. Kể từ tháng 12/2017 vợ chồng thực sự sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ; tuy nhiên ông N thấy tình cảm vợ chồng đang còn, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung đúng như bà T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn ông N đồng ý để 2 con cho bà T trực tiếp nuôi, ông N sẽ góp cấp dưỡng mỗi con 1.500.000 đồng / tháng đến khi trưởng thành.

Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, không thiếu nợ ai.

Tại bản tự khai của 2 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th và Phạm Thành Danh Đ đều có chung ý kiến: Trường hợp bố mẹ ly hôn 02 con có nguyện vọng muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật và tố tụng: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Thành giải quyết việc ly hôn đối với bị đơn ông Phạm Hải N; địa chỉ: Tổ 13, thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành. Quan hệ pháp luật là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Ông Phạm Hải N mặc dù được Tòa án nhân dân huyện Tân Thành triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét xử vắng mặt ông N là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hải N. Hội đồng xét xử xét rằng:

Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T với ông Phạm Hải N là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên sau khi thành vợ chồng và sinh con cuộc sống, tình cảm vợ chồng có nhiều thay đổi dẫn đến làm phát sinh mâu thuẫn. Đặc biệt, ông N đã có hành vi bạo hành đánh đập vợ, kể từ tháng 11/2017 vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Như vậy, nếu tiếp tục kéo dài thì hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không đem lại hạnh phúc cho gia đình, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình, cần xử cho bà T được ly hôn với ông Phạm Hải N là phù hợp quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn Ngọc có 02 con chung là: Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 28/10/ 2001 và Phạm Thành Danh Đ, sinh ngày 05/01/ 2008. Tại phiên tòa bà T yêu cầu nếu ly hôn được trực tiếp nuôi 2 con, yêu cầu ông N góp cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng/ con. Đối với ông N trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho rằng: Nếu vợ chồng ly hôn đồng ý giao 02 con cho bà T trực tiếp nuôi, ông N sẽ góp cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/con/ tháng.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét: Kể từ khi bà T, ông N ly thân đến nay các con chung vẫn được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ và chu đáo. Để ổn định về mặt tâm lý, không làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, nhận định này vừa đáp ứng được nguyện vọng của con chung và ý chí của ông N.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thấy rằng: Hiện tại bà T và ông N đều có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi bản thân và nuôi dưỡng con. Tại phiên tòa mức cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn yêu cầu phù hợp với ý chí và tự nguyện của bị đơn trong giai đoạn thu thập chứng cứ và hòa giải. Như vậy có đủ căn cứ cần buộc ông N góp cấp dưỡng nuôi con cho bà T mức 1.500.000 đồng/ con/ tháng đến khi trưởng thành là có căn cứ.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyết Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn ông Phạm Hải N.

Về con chung: Bà Nguyết Thị T và ông Phạm Hải N có 02 con chung; giao 2 con chung: Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 28/10/2001 và Phạm Thành Danh Đ, sinh 05/01/ 2008 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) nhưng ông Phạm Hải N có nghĩa vụ góp cấp nuôi con cho bà T mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng/ con đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời hạn góp cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 06/2018.

Ông Phạm Hải N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Hải N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008803 ngày 04/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Buộc ông Phạm Hải N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặcbị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
-VKSND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
-VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Toà án.

Lâm Văn Hùng